TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 10-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Trường

Ông Chu Văn Mốt

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khaivụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Âu Văn S, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1976 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Âu Văn T (đã chết) và bà Lã Thị H; có vợ: Mè Thị T, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; ngày 21-11-2012, bị Phòng PC64 Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.000.000 đồng về hành vi Mua bán trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ (đã được xóa); bị bắt tạm giữ ngày 19-10-2019, tạm giam từ ngày 22-10-2019 đến ngày 25-11-2019 được áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1981 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị L; có vợ: Lưu Phương T, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 21-10-2019 đến ngày 25-11-2019 được áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh, hiện tại ngoại; có mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7-2019, Âu Văn S làm nghề lái xe ôm tại khu vực cửa khẩu T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và có quen biết một người đàn ông Trung Quốc có tên là A Q làm nghề xe ôm bên Trung Quốc, hai người cho nhau số điện thoại với mục đích khi nào A Q vào Việt Nam sẽ gọi điện cho Âu Văn S đón đi chơi.

Đến cuối tháng 8-2019, A Q gọi điện thoại cho Âu Văn S nói rằng có khách Trung Quốc có nhu cầu nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để đánh bạc tại Casino T nếu Âu Văn S đồng ý đón những người khách này thì sẽ được trả từ 30 Nhân dân tệ đến 50 Nhân dân tệ/01 người, Âu Văn S đồng ý. Sau đó, cứ mỗi lần có khách người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam thì A Q đều gọi cho Âu Văn S để đón. Âu Văn S nói cho Hoàng Văn T biết có khách người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và trao đổi nếu Hoàng Văn T đưa những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép trên xuống thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì ngoài tiền cước xe ra còn được trả thêm 50.000 đồng/01 lượt, Hoàng Văn T đồng ý. Sau đó, cứ mỗi lần có khách người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại khu vực cửa khẩu T thì Âu Văn S đều gọi cho Hoàng Văn T đến đón để đưa xuống thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 11 giờ ngày 16-10-2019, A Q gọi điện thoại cho Âu Văn S thông báo là có 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường mòn L, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và bảo đi lên khu vực bãi đất trên đường mòn để đón và đưa xuống khu vực Casino T với giá tiền công là 200 Nhân dân tệ thì được Âu Văn S đồng ý. Khi Âu Văn S đến địa điểm nơi A Q nói trước thì thấy có 04 người Trung Quốc nên Âu Văn S thuê thêm 01 người xe ôm gần đó để chở khách xuống Casino T với giá 40.000 đồng. Khi đưa được 04 người khách Trung Quốc trên đến trước cổng Casino T thì A Q gọi điện thoại bảo Âu Văn S gọi xe taxi để đưa những người Trung Quốc trên xuống thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, A Q gửi số điện thoại của Nguyễn Đức K cho Âu Văn S. Sau khi nhận điện thoại của A Q, Âu Văn S gọi điện thoại để Hoàng Văn T đưa những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép trên xuống thành phố L, tỉnh Lạng Sơn với giá 250.000 đồng (trong đó 200.000 đồng là tiền cước xe và 50.000 đồng là tiền cho thêm). Sau khi nhận điện thoại, Hoàng Văn T điều khiển xe ôtô đến khu vực chợ rau T đón 04 người Trung Quốc (02 nam và 02 nữ) xuống thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Khi đi đến khu vực ngã ba P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Văn T gọi điện thoại cho Âu Văn S thông báo đã đón được những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép trên và được Âu Văn S nhắn tin gửi số điện thoại của Nguyễn Đức K để Hoàng Văn T đưa 04 người Trung Quốc trên xuống thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giao cho Nguyễn Đức K. Hoàng Văn T tiếp tục điều khiển xe xuống thành phố, khi đến địa phận thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì gọi điện thoại cho Nguyễn Đức K thông báo có 04 khách người Trung Quốc đang xuống và hỏi Nguyễn Đức K đón những người trên tại đâu thì được bảo đưa đến khu vực nhà

thờ C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là nơi Nguyễn Đức K đang chờ tại đó. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Hoàng Văn T đến nơi và giao những người Trung Quốc cho Nguyễn Đức K xong thì quay về nhà. Sau đó, Nguyễn Đức K tiếp tục đưa những người khách Trung Quốc trên xuống Hà Nội, khi đi đến Km 21 + 700, Quốc lộ 1A, thuộc địa phận xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị kiểm tra, phát hiện trên xe có 04 người mang quốc tịch Trung Quốc gồm: Vương Dục B (Wang Yu B); Lưu HuệP (Lin Hui F); Phó Ái H (Fu Ai H), và Phó Vĩ P (Fu Wei F) đều sinh sống tại tỉnh P, Trung Quốc. Cả 04 người trên đều không có giấy tờ, thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định.

Theo Công văn số 1124 ngày 15-11-2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn xác định tỷ giá quy đổi Nhân dân tệ Trung Quốc ra Đồng Việt Nam thì 01 Nhân dân tệ = 3.242 Việt Nam đồng (200 Nhân dân tệ = 648.400 Việt Nam đồng).

Bản Cáo trạng số: 22/CT-VKS-P1 ngày 22-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Âu Văn S, Hoàng Văn T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; các điện thoại đang bị thu giữ các bị cáo đều dùng vào việc liên lạc để thực hiện tội phạm; các bị cáo đề nghị được trả lại giấy tờ tùy thân và giấy tờ về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Âu Văn S từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Truy thu của bị cáo Âu Văn S số tiền 358.400 đồng, truy thu của bị cáo Hoàng Văn T số tiền 250.000 đồng do phạm tội mà có. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, tiêu hủy 01 tờ giấy dòng kẻ, 01 quyển sổ; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG; trả lại cho bị cáo Âu Văn S 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Âu Văn S; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tất cả đều mang tên Hoàng Văn T.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, tiếp tục đi làm để nuôi sống bản thân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Ngày 16-10-2019, Âu Văn S, Hoàng Văn T đã có hành vi tổ chức cho 04 người mang quốc tịch Trung Quốc gồm: Vương Dục B (Wang Yu B), Lưu Huệ P (Lin Hui F), Phó Ái H (Fu Ai H), Phó Vĩ P (Fu Wei F) nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường mòn thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đưa sâu vào nội địa Việt Nam để hưởng lợi. Trong đó, Âu Văn S hưởng lợi số tiền 358.400 đồng, Hoàng Văn T hưởng lợi số tiền 250.000 đồng. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Âu Văn S, Hoàng Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng theo pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo Âu Văn S là người đã trực tiếp trao đổi với A Q về việc đưa những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Chính Âu Văn S đã trao đổi, thỏa thuận với Hoàng Văn T về việc thuê Hoàng Văn T chở những người Trung Quốc này đến thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong vụ án này, bị cáo Âu Văn S có vai trò chính, còn bị cáo Hoàng Văn T giữ vai trò thứ yếu, là người giúp sức cho Âu Văn S. Bị cáo Hoàng Văn T là người có

nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000210/QĐ-XPHC ngày 21-11-2012 của Phòng PC64 Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt Âu Văn S số tiền 6.000.000 đồng về hành vi Mua bán trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ (đã được xóa). Tính đến ngày bị cáo Âu Văn S phạm tội (ngày 16-10-2019) đã trên 06 năm. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú (có xác nhận của chính quyền địa phương). Ngoài ra, bị cáo Âu Văn S có bố đẻ là ông Âu Văn T, mẹ đẻ là bà Lã Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015

[6] Nhận thấy, các bị cáo đều có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy, không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Các biện pháp tư pháp: Các bị cáo có thu lợi bất chính từ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần truy thu của bị cáo Âu Văn S số tiền 358.400 đồng, truy thu của bị cáo Hoàng Văn T số tiền 250.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]Đối với người đàn ông tên A Q, làm nghề xe ôm tại P, Trung Quốc là người đã thuê Âu Văn S đưa 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với giá tiền công 200NDT: Qua điều tra xác định: Âu Văn S không biết tên thật, địa chỉ của A Q, Cơ quan điều tra không có cơ sở tiến hành ủy thác tư pháp để làm rõ nhân thân, lai lịch nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với Nguyễn Đức K là người đã nhận chở 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ngày 16-10-2019 do Hoàng Văn T giao tại khu vực nhà thờ C, phường Chi Lăng, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Qua điều tra xác định: Nguyễn Đức K làm nghề lái xe taxi và quen biết Nguyễn Hoàng H cũng là lái xe taxi. Khoảng giữa tháng 9-2019, Nguyễn Hoàng H có khách là người Trung Quốc có nhu cầu xuống Bắc Ninh, nhưng vì lý do sức khỏe Nguyễn Hoàng H không đưa đi được nên đã gọi điện cho Nguyễn Đức K đi thay, đón, đưa khách và giao khách cho Phan Xuân Đ chở đi đến nơi do khách yêu cầu. Sau khi giao khách thì Nguyễn Đức K quay về Lạng Sơn nhận tiền công là 900.000 đồng với Nguyễn Hoàng H. Sau đó, mỗi khi Hoàng Văn T gọi điện đến đón khách thì Nguyễn Đức K cứ đến đón và đưa khách đi theo nhu cầu. Xác định Nguyễn Đức K chỉ lái xe nhận tiền cước, hành vi không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn xử lý vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Nguyễn Hoàng H, quá trình điều tra thể hiện: Nguyễn Hoàng H làm lái xe tại khu vực cửa khẩu H chuyên đưa đón khách tại cửa khẩu H xuống Bắc Ninh, Hà Nội và quen biết Phan Xuân Đ làm nhân viên lái xe cho văn phòng xe T và cả hai thường cho nhau khách. Khoảng tháng 8-2019, Phan Xuân Đ gọi điện cho Nguyễn Hoàng H đón khách Trung Quốc để đưa khách từ Lạng Sơn xuống Bắc Ninh với giá tiền công là 1.000.000 đồng nhưng do sức khỏe Nguyễn Hoàng H đã gọi điện thoại cho Nguyễn Đức K đi thay với giá 900.000 đồng còn Nguyễn Hoàng H được hưởng 100.000 đồng là tiền điện thoại để bố trí xắp xếp khách. Sau đó cả ba người thống nhất với nhau giá tiền công là 1.000.000 đồng/1 chuyến. Sau khi có khách người Trung Quốc sang thì Nguyễn Hoàng H sẽ gọi điện thoại cho Nguyễn Đức K đi đón đưa xuống cho Phan Xuân Đ, xong việc Phan Xuân Đ sẽ chuyển tiền để Nguyễn Hoàng H trả tiền cước xe cho Nguyễn Đức K. Xét thấy Nguyễn Hoàng H không biết các đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, không hưởng lợi trong việc nhận tiền từ Phan Xuân Đ trả cho Nguyễn Đức K; do đó, không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Hoàng H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Phan Xuân Đ, qua điều tra thể hiện: Năm 2017, Phan Xuân Đ làm lái xe cho văn phòng xe T chạy tuyến Hà Nội, Lạng Sơn. Thời gian này, Phan Xuân Đ tham gia nhóm taxi 365 trên mạng xã hội Wechat và quen biết Nguyễn Hoàng H, giữa hai người thỉnh thoảng cho nhau khách. Tháng 02-2019, Phan Xuân Đ về Hà Nội làm lái xe Grab chuyên chở khách, vận chuyển hàng hóa tại khu vực Hà Nội và các vùng phụ cận Hà Nội. Tháng 09-2019, Phan Xuân Đ được hai người đàn ông có tên là T và M (cùng tham gia nhóm taxi 365) cho khách để đưa từ thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xuống Bắc Ninh. Do không lên Lạng Sơn đón khách được, Phan Xuân Đ đã gọi điện thoại cho Nguyễn Hoàng H để đưa khách từ Lạng Sơn xuống Bắc Ninh cho Phan Xuân Đ với giá tiền công là 1.000.000 đồng và Nguyễn Hoàng H đồng ý. Sau đó, giữa Phan Xuân Đ và Nguyễn Hoàng H thống nhất khi nào có khách thì Nguyễn Hoàng H sẽ đưa xuống Bắc Ninh hoặc Hà Nội cho Phan Xuân Đ với giá 1.000.000 đồng. Do

Phan Xuân Đ biết nói tiếng Trung Quốc nên Phan Xuân Đ sẽ đứng ra thu tiền xe của khách là người Trung Quốc rồi gửi về cho Nguyễn Hoàng H, còn Phan Xuân Đ được hưởng tiền cước taxi Grab tùy thuộc vào địa điểm khách đi đến. Xét thấy, Phan Văn Đ không biết các đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; do đó, không có căn cứ xử lý đối với Phan Xuân Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với hai người đàn ông tên T và M là người đã cho Phan Xuân Đ khách. Qua điều tra xác định: Do T, M và Phan Xuân Đ tham gia nhóm taxi 365 trên mạng xã hội Wechat, khi có khách thì hai người này sẽ gọi điện thoại cho Phan Xuân Đ bằng các số điện thoại khác nhau, Phan Xuân Đ không lưu lại số và cũng không biết tên tuổi, địa chỉ. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh điều tra xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với 04 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ngày 16-10-2019 gồm Vương Dục B (Wang Yu B), Lưu Huệ P (Lin Hui F), Phó Ái H (Fu Ai H), Phó Vĩ P (Fu Wei F). Ngày 17-10-2019, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn đã xử lý bằng hình thức xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng/01 người nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận từ tháng 8-2019 đến trước ngày trước ngày 16-10-2019, các bị cáo đã trực tiếp tham gia đón khoảng hơn 10 lượt khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép của Việt Nam nhưng không nhớ số lượng cụ thể, không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những công dân Trung Quốc. Vì vậy, Cơ quan điều tra không thể thực hiện ủy thác tư pháp để xác định nhân thân, lai lịch và ghi lời khai làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật về xử lý đối với hành vi trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về vật chứng: Đối với 01 tờ giấy dòng kẻ, 01 quyển sổ không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; đối với 03 chiếc điện thoại di động dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; đối với 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe ôtô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Âu Văn S, Hoàng Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộikhóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:Tuyên bố các bị cáo Âu Văn S, Hoàng Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Âu Văn S 02 (hai) năm tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10 tháng 3 năm 2020.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10 tháng 3 năm 2020.

Giao bị cáo Âu Văn S cho Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu của bị cáo Âu Văn S số tiền 358.400 đồng (ba trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Truy thu của bị cáo Hoàng Văn T số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tờ giấy dòng kẻ có kích thước 17cm x 24cm, có ghi các số và chữ Việt Nam; 01 (một) quyển sổ màu xanh, trắng, khổ A6, có kích thước 10,5cm x 14,8cm, bên trong các trang giấy có ghi chữ và số, gồm 91 tờ.

4.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước màu trắng mặt sau màu vàng, có số IMEI1: 863091038950676, IMEI2: 863091038950668, cũ đã qua sử dụng, bên trong có

01 sim điện thoại; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 358414100209361, IMEI2: 358414100209379; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 359601/08/168128/2, IMEI2: 359602/08/168128/0 (Số IMEI ghi ở nắp lưng điện thoại) bên trong có 02 sim điện thoại.

4.3. Trả lại cho bị cáo Âu Văn S: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082009734 mang tên Âu Văn S, do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 13-8-2018.

4.4. Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 081032518 mang tên Hoàng Văn T, do Công an tỉnh Lạng Sơn ngày 24-11-2016; 01 (một) giấy phép lái xe ôtô số 200115202502 mang tên Hoàng Văn T do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06-12-2016; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004315 mang tên Hoàng Văn T, biển số đăng ký 12A-05191, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 01-9-2015.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 01 năm 2020).

5. Về án phí: Các bị cáo Âu Văn S và Hoàng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- .....;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa